

I. ĐỐI TƯỢNG CỤ THỂ ĐƯỢC ÁP DỤNG:

1. Người có chuyên ngành đào tạo thuộc Danh mục 25 nhóm ngành, ngành đào tạo tỉnh có nhu cầu thu hút nguồn nhân lực, có trình độ: Tiến sĩ, thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I, Bác sĩ chuyên khoa II, Đại học (loại giỏi, loại xuất sắc).

| TT | Tên ngành, chuyên ngành thu hút | Mã số ngành nghề quy định tại Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo | Mã số ngành nghề quy định tại Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo |
|----|---|--|--|
| 1 | Nông nghiệp | 76201 | 86201; 96201 |
| 2 | Lâm nghiệp | 76202 | 86202; 96202 |
| 3 | Thủy sản | 76203 | 86203; 96203 |
| 4 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 78501 | 88501; 98501 |
| 5 | Du lịch | 78101 | 88101; 98101 |
| 6 | Kiến trúc và quy hoạch | 75801 | 85801; 95801 |
| 7 | Xây dựng | 75802 | 85802; 95802 |
| 8 | Quản lý xây dựng | 75803 | 85803; 95803 |
| 9 | Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật | 75201 | 85201; 95201 |
| 10 | Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông | 75202 | 85202; 95202 |
| 11 | Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường | 75203 | 85203; 95203 |
| 12 | Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa | 75205 | 85205; 95205 |
| 13 | Máy tính | 74801 | 84801; 94801 |
| 14 | Công nghệ thông tin | 74802 | 84802; 94802 |

| | | | |
|----|---|---|--|
| 15 | Khoa học giáo dục và Đào tạo giáo viên các ngành: Giáo dục Mầm non; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Thể chất; Huấn luyện thể thao; Sư phạm (Toán học; Tin học; Vật lý; Hóa học; Sinh học; Ngữ văn; Lịch sử; Địa lý; Tiếng Anh). | 7140201; 7140202; 7140206; 7140207; 7140209; 7140210; 7140211; 7140212; 7140213; 7140217; 7140218; 7140219; 7140231 | Các mã số ngành đào tạo chuyên sâu trình độ thạc sĩ, tiến sĩ phù hợp, tương đồng với ngành đào tạo giáo viên bậc đại học thuộc các trường đại học có ngành đào tạo sư phạm |
| 16 | Ngành ngôn ngữ Anh | 7220201 | 8220201; 9220201 |
| 17 | Ngành Y khoa; ngành Y học dự phòng | 7720101; 7720110 | 87201; 97201 |
| 18 | Răng - Hàm - Mặt (Nha khoa) | 77205 | 87205; 97205 |
| 19 | Kỹ thuật Y học | 77206 | 87206; 97206 |
| 20 | Kinh tế học | 73101 | 83101; 93101 |
| 21 | Luật kinh tế | 7380107 | 8380107; 9380107 |
| 22 | Ngành Tài chính - Ngân hàng | 7340201 | 8340201; 9340201 |
| 23 | Ngành sáng tác âm nhạc; ngành Thanh nhạc | 7210203; 7210205 | 8210201; 8210202; 9210201 |
| 24 | Ngành Quản lý thể dục thể thao | 7810301 | 8810301 |
| 25 | Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí; ngành Công nghệ chế tạo máy; ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô | 7510201; 7510202; 7510203; 7510205 | 8520101; 8520103; 8520114; 08520130; 9520101; 9520103; 9520130 |

BẠN CẦN BIẾT

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Tuyên Quang)

TUYỂN DỤNG



In 10.420 tờ, Giấy phép xuất bản số 51/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 04/5/2022. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/2022.

2. Bác sĩ nội trú; Bác sĩ đa khoa.

3. Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ, cụ thể:

3.1. Sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước hoặc nước ngoài được công nhận tương đương về văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật có kết quả học tập và rèn luyện xuất sắc các năm học của bậc đại học, trong độ tuổi thanh niên (tối đa 30 tuổi) tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển và đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Đạt giải ba cá nhân trở lên tại một trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, đạt giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc Bằng khen trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi quốc tế thuộc một trong các môn khoa học tự nhiên (toán, vật lý, hóa học, sinh học, tin học) và khoa học xã hội (ngữ văn, lịch sử, địa lý, ngoại ngữ) trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông;

b) Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi khoa học - kỹ thuật cấp quốc gia hoặc quốc tế trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông hoặc bậc đại học;

c) Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi Ô-lim-pích thuộc một trong các môn toán, vật lý, hóa học, cơ học, tin học hoặc các chuyên ngành khác trong thời gian học ở bậc đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

3.2. Người có trình độ thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I, bác sĩ nội trú, dược sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành y học, dược học trong độ tuổi thanh niên (tối đa 30 tuổi) tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản 3.1 nêu trên;

b) Tốt nghiệp đại học loại khá trở lên và có chuyên ngành đào tạo sau đại học cùng ngành đào tạo ở bậc đại học.

3.3. Người có trình độ tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, dược sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành y học, dược học dưới 35 tuổi tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại điểm a và điểm b khoản 3.2 nêu trên.

4. Chuyên gia.

II. ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG

1. Điều kiện chung

a) Là công dân Việt Nam, có đủ sức khỏe và đảm bảo năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

b) Được cơ quan, đơn vị, tổ chức có thẩm quyền quyết định tiếp nhận, tuyển dụng theo quy định của pháp luật;

c) Còn trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật, nhưng tối thiểu phải còn từ đủ 10 năm công tác trở lên;

d) Không trong thời gian bị xem xét kỷ luật, không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Không áp dụng các quy định tại điểm b, điểm c khoản này đối với trường hợp là chuyên gia.

2. Điều kiện cụ thể đối với một số trường hợp

a) Tiến sĩ, thạc sĩ phải tốt nghiệp đại học hệ chính quy (là thạc sĩ phải có kết quả tốt nghiệp đại học từ loại khá trở lên) tại các cơ sở giáo dục công lập trong nước, các cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc đào tạo đại học theo hình thức liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học công lập trong nước với các cơ sở đào tạo nước ngoài;

b) Bác sĩ chuyên khoa I, bác sĩ chuyên khoa II, bác sĩ đa khoa (tốt nghiệp loại khá trở lên) phải tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học công lập về y, y - dược hệ chính quy tập trung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế về Chương trình khung đào tạo đại học đối với nhân lực ngành y tế;

c) Người có trình độ đại học (hệ chính quy) phải tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc tại các cơ sở giáo dục đại học công lập trong nước, đào tạo theo hình thức liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học công lập trong nước với các cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc đào tạo tại nước ngoài hoặc đào tạo tại nước ngoài (đào tạo theo hình thức liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học công lập trong nước với các cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc đào tạo tại nước ngoài phải được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng tốt nghiệp);

d) CBCCVC đang công tác ở ngoài tỉnh hoặc cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh phải có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

III. MỨC HỖ TRỢ THU HÚT

1. Các trường hợp được thu hút về tỉnh công tác được hỗ trợ một lần bằng tiền sau khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định tuyển dụng, tiếp nhận. Mức hỗ trợ như sau:

- Tiến sĩ: Ngành Y: 290.000.000đ; ngành khác: 270.000.000đ;

- Thạc sĩ: Ngành Y: 180.000.000đ; ngành khác: 125.000.000đ;

- Bác sĩ chuyên khoa: Cấp II: 245.000.000đ; Cấp I: 160.000.000đ;

- Bác sĩ nội trú: Loại Xuất sắc: 290.000.000đ; loại Giỏi: 270.000.000 đ; loại Khá: 250.000.000đ; loại Trung bình và Trung bình khá: 230.000.000đ;

- Bác sĩ đa khoa chính quy học tại các Trường Đại học Y, Đại học Y - Dược công lập: Loại Xuất sắc: 120.000.000đ; loại Giỏi: 110.000.000đ; loại Khá: 100.000.000đ;

- Sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy ngành Công nghệ thông tin: Loại Xuất sắc: 110.000.000đ; loại Giỏi: 100.000.000đ.

- Sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy các ngành khác: Loại Xuất sắc: 100.000.000đ; loại Giỏi: 90.000.000đ.

Đối với người được thu hút về công tác ở cấp xã được hưởng hệ số 1,2 theo từng mức hỗ trợ.

2. Chuyên gia thu hút về tỉnh tham gia các công trình, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học, giải pháp sáng kiến đổi mới kỹ thuật công nghệ hoặc xây dựng, phát triển các sản phẩm, tác phẩm từ cấp tỉnh trở lên được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt công nhận bằng văn bản thì cơ quan, đơn vị sử dụng chuyên gia báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho phép hợp đồng trả thù lao theo thỏa thuận.

IV. CHÍNH SÁCH KHÁC (Không áp dụng đối với chuyên gia)

1. Được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định tiếp nhận trực tiếp đối với CBCCVC ở ngoài tỉnh, các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh.

2. Được tuyển dụng vào làm viên chức theo quy định của pháp luật bằng hình thức xét tuyển đối với các trường hợp quy định tại điểm 1, điểm 2 Mục I nêu trên.

V. TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐƯỢC THU HÚT

1. Chấp hành sự phân công công tác của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền hoặc hợp đồng đã thỏa thuận;

2. Thời gian cam kết công tác tại tỉnh Tuyên Quang từ đủ 10 năm (không áp dụng đối với chuyên gia);

3. Phải bồi hoàn 100% kinh phí đã được hỗ trợ thu hút (trừ các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật) nếu vi phạm cam kết, hợp đồng làm việc, tự ý bỏ việc, thôi việc, xin chuyển công tác đến các cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, không chấp hành sự phân công công tác của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền, được đánh giá, xếp loại là không hoàn thành nhiệm vụ trong năm công tác, thời gian hợp đồng làm việc./.